

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TP
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 995/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31 -8 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TP – THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc N

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh T

2. Ông Phan Trọng B

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh H, Thư ký Tòa án nhân dân quận TP, Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận TP tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng D- Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận TP, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 507/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 477/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/7/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 554/2022/QĐST- HNGĐ ngày 11/8/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1975,

Địa chỉ: Trường Chinh, phường Tây Thạnh, quận TP, Thành phố H.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt);

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Lăng L, sinh năm 1967,

Địa chỉ: Trường Chinh, phường Tây Thạnh, quận TP, Thành phố H.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn, bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn bà Trần Thị Đ trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông L tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 45, ngày 18/8/1997 của Ủy ban nhân dân Phường 13, quận P, Thành phố H.

Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2012 phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không còn phù hợp, vợ chồng luôn bất hòa cãi vã về chi tiêu tài chính trong gia đình. Hai bên đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng không kết quả, vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 đến nay, mỗi bên có cuộc sống riêng, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay nhận thấy mâu thuẫn không thể giải quyết, tình cảm không còn, hai bên không thể tiếp tục sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông L.

- *Về con chung:* Bà Đ khai có một con chung tên Nguyễn Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 20/10/1995 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Bà Đ khai không có.

- *Về nợ chung:* Bà Đ khai không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập hợp lệ ông L đến Tòa giải quyết vụ án nhưng ông L vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn nên Tòa án không có cơ sở xem xét ý kiến của bị đơn cũng như không thể hòa giải tình cảm vợ chồng giữa hai bên.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Trần Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Lãng L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến với những nội dung chính như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về thủ lý vụ việc, xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: đúng quy định tại các Điều từ Điều 239 đến 260 và Điều 263 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã vi phạm theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 54, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Nhận thấy mẫu thuẫn vợ chồng giữa bà Đẹp và ông L đã thật sự trầm trọng nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ.

Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét.

Về tài sản chung: Bà Trần Thị Đ khai không có nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà Trần Thị Đ khai không có nên không xem xét.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/4/2022, nguyên đơn bà Trần Thị Đ yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Lăng L, đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Phiếu yêu cầu xác minh ngày 28/6/2022 của Tòa án nhân dân quận TP thì bị đơn ông Nguyễn Lăng L có nơi cư trú tại nhà Trường Chinh, phường T, quận TP nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận TP, Thành phố H theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Trần Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt;

Bị đơn ông Nguyễn Lăng L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 171, 177, 179, 196, 208, 220, 233 Bộ luật Tố tụng dân

sự năm 2015 nhưng ông Lục đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc vì trở ngại khách quan.

Nên căn cứ quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 45, ngày 18/8/1997 của Ủy ban nhân dân Phường 13, quận P, Thành phố H có đủ cơ sở xác nhận hôn nhân giữa bà Trần Thị Đ và ông Nguyễn Lăng L là hợp pháp, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nguyên đơn bà Trần Thị Đ trình bày vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2012 đến nay do lối sống không phù hợp, bất đồng quan điểm. Hai bên đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng không kết quả, vợ chồng đã ly thân từ năm 2020, mỗi bên có cuộc sống riêng, không còn quan tâm chăm sóc nhau nên không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tòa án đã triệu tập ông L đến Tòa để hòa giải tình cảm vợ chồng nhưng ông L đều vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà Đ, điều này thể hiện ông L không còn thiết tha trong việc hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tại kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân Trần Thị Đ và ông Nguyễn Lăng L xác định quá trình sống chung sống giữa ông L và bà Đ có xảy ra mâu thuẫn nhưng không gây ảnh hưởng mọi người xung quanh.

Tại Điều 19, 21 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “ Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu...có nghĩa vụ sống chung...” “vợ chồng có nghĩa tôn trọng, giữ gìn bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau ”.

Từ những lời trình bày của bà Đ và kết quả xác minh mâu thuẫn vợ chồng, Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà Đ và ông L đã phát sinh mâu thuẫn từ rất lâu; hai bên không còn thực hiện nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng nhau nên tình trạng hôn nhân giữa ông bà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn; đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Đ đối với ông Nguyễn Lăng L là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà Trần Thị Đ khai có một con chung tên Nguyễn Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 20/10/1995 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Trần Thị Đ khai không có nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà Trần Thị Đ khai không có nên không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do nguyên đơn bà Trần Thị Đ phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 264, Điều 266; Điều 267; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Đ được ly hôn với ông Nguyễn Lăng L.

Quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45, ngày 18/8/1997 của Ủy ban nhân dân Phường 13, quận P, Thành phố H không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Đã trưởng thành và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị Đ khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Bà Trần Thị Đ khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Đ phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án

số 0035521 ngày 05/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận TP. Bà Trần Thị Đ đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố H;
- VKSND quận TP;
- Chi cục THADS quận TP;
- UBND Phường 13, quận P, Thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc N

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

